



Web Basic

Lesson 6: Transition

Hoang.TH

Nội dung

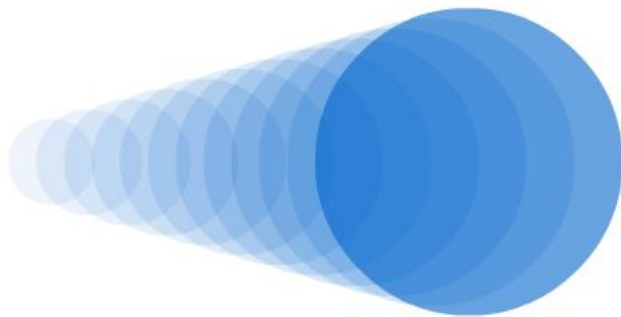


1. Transition là gì
2. Cấu trúc của transition
3. Lab1: Thực hành transition
4. Pseudo Elements
5. Lab2: Thực hành Pseudo Elements
6. BTVN

Transition là gì?

Transition là gì?

CSS transition cho phép tạo các hiệu ứng thay đổi cho các phần tử một cách mượt mà (từ từ), trơn tru trong một khoảng thời gian, thường kết hợp với bộ chọn :hover để tạo hiệu ứng trên trang.



start ← transitioning → end

Transition hoạt động bằng cách thay đổi giá trị thuộc tính một cách trơn tru từ giá trị này sang giá trị khác trong khoảng thời gian nhất định.

Example: Transition

CSS Transition thường sử dụng

1. **Fade In:** Làm mờ đối tượng đi
2. **Change color:** thay đổi màu sắc, background của đối tượng
3. **Grow & Shrink:** thay đổi kích thước của đối tượng(khoảng cách, padding, margin)
4. **Rotate elements:** Xoay đối tượng
5. **Square to circle:** Thay đổi hình dạng border của đối tượng
6. **3D shadow:** Thay đổi shadow của đối tượng
7. **Inset border:** Tạo đường viền đậm cho đối tượng

Example : [here](#)

Cấu trúc của Transition?

Cấu trúc của Transition

Tag {

transition: giá trị;

-moz-transition: giá trị;

-webkit-transition: giá trị;

-o-transition: giá trị;

}

-moz-transition hỗ trợ cho firefox.

-webkit-transition hỗ trợ cho Google Chrome và Safari.

-o-transition hỗ trợ cho Opera.

Thuộc tính transition bao gồm:

- **transition-property:** thuộc tính cần chuyển đổi
- **transition-duration:** khoảng thời gian chuyển đổi diễn ra
- **transition-delay:** khoảng thời gian dừng cho mỗi hiệu ứng chuyển đổi
- **transition-timing-function:** tốc độ chuyển đổi diễn ra.

Transition- property



Property	Value	Example	Description
transition-property	none	transition-property: none;	Hiệu ứng của quá trình chuyển đổi sẽ không được hiển thị.
	width height	transition-property: height;	Xác định hiệu ứng của quá trình chuyển đổi cho các thuộc tính css, mỗi thuộc tính cách nhau bằng dấu phẩy.
	all	transition-property: all;	Xác định hiệu ứng của quá trình chuyển đổi cho tất cả thuộc tính.

Transition timing function

Example: [here](#)

Value	Example	Description
ease	transition-timing-function: ease;	Xác định một hiệu ứng của quá trình chuyển đổi với một sự khởi đầu chậm, sau đó nhanh chóng, sau đó kết thúc chậm.
ease-in	transition-timing-function: ease-in;	Xác định một hiệu ứng của quá trình chuyển đổi với một khởi đầu chậm chạp.
ease-out	transition-timing-function: ease-out;	Xác định một hiệu ứng của quá trình chuyển đổi với một kết thúc chậm.
ease-in-out	transition-timing-function: ease-in-out;	Xác định một hiệu ứng của quá trình chuyển đổi với một khởi đầu và kết thúc chậm.
linear	transition-timing-function: linear;	Xác định một hiệu ứng của quá trình chuyển đổi với cùng một tốc độ từ đầu đến cuối.
cubic-bezier (n,n,n,n)	transition-timing-function: cubic-bezier(0,1,0.35,0);	Xác định giá trị cho hiệu ứng của quá trình chuyển đổi theo từng giai đoạn, giá trị xác định chỉ có thể từ 0 tới 1.

Transition



Property	Value	Example	Description
transition-duration	Thời gian (s)	transition-duration: 10s;	Quá trình chuyển đổi mất bao nhiêu thời gian.
transition-delay	Thời gian (s)	transition-delay: 3s;	Xác định thời gian chờ đợi trước khi các hiệu ứng của quá trình chuyển đổi sẽ bắt đầu.

Viết tắt cho CSS Transition

A diagram illustrating the components of the CSS transition shorthand syntax. The text `transition: transform .5s ease-in;` is shown. Brackets above the text identify the parts: `transform` is labeled "transition property", `.5s` is labeled "transition duration", and `ease-in` is labeled "transition timing function".

transition property transition timing function

transition: transform .5s ease-in;

transition duration

Example

transition: all 250ms linear;


transition: all .5s ease-in .1s;

Lab1: Thực hành transition



Lab 1.1: Tạo button khi hover vào nó sẽ dịch lên trên 10px;
Button- background: slateblue



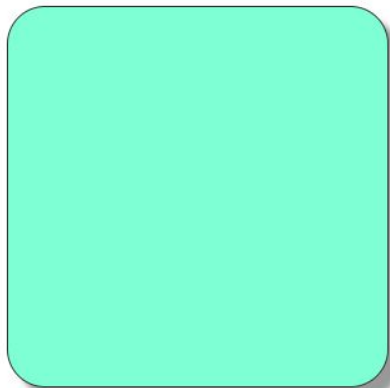


Lab 1.2: Tạo 2 button khi hover vào nó sẽ dịch xuống dưới 10px;
Button- background: slateblue; deeppink



Lab 1.3: Tạo button khi hover vào nó sẽ

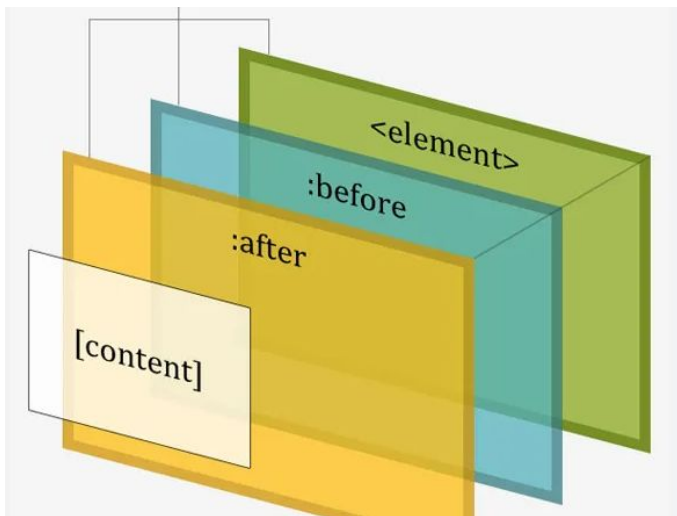
- chuyển sang border radius
- chuyển màu background từ xanh sang đỏ



Pseudo Elements?

Pseudo Elements?

Phần tử giả (Pseudo-element) là một trong những selector (tạm dịch là bộ chọn) nâng cao hơn có sẵn để sử dụng trong CSS. Mục đích chính đằng sau các selector này là tạo kiểu dáng độc đáo mà không làm thay đổi tài liệu HTML được dùng để tạo cấu trúc cơ bản của một trang web.



Các thành phần Pseudo Elements hay sử dụng:

- ❖ Before (trước)
- ❖ After (sau)
- ❖ Backdrop (phông nền)
- ❖ First-line (dòng đầu tiên)
- ❖ First-letter (chữ cái đầu tiên)

Cấu trúc Pseudo Elements

Selector **::pseudo-element** {

/ CSS code */*

}

Example: [here](#)


```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<style>
p::first-letter {
  color: #ff0000;
  font-size: xx-large;
}
</style>
</head>
<body>

<p>You can use the ::first-letter pseudo-element to

</body>
</html>
```

You can use the ::first-letter pseudo-element to add a special effect to the first character of a text!

Lab2: Thực hành Pseudo Elements



Lab 2: Tạo 1 đoạn text khi hover sẽ chuyển màu thành đỏ và background thành vàng như hình dưới

Select some text on this page:

This is a paragraph.

This is some text in a div element

BTVN



BTVN



Yêu cầu

- Chỉ cần làm 1 card (bao gồm các thành phần như trong video) : icon, image, content, ...
- Khi hover vào card, các trạng thái của card xuất hiện như trong video
- Phân tích quá trình thay đổi của card và sử dụng transition

Link video tham khảo: <https://www.youtube.com/watch?v=lggrkR06Ss0>

The End